

DANH SÁCH ĐỀ TÀI/DỰ ÁN CẤP BỘ DO ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CHỦ TRÌ THỰC HIỆN

ST	Tên đề tài/Dự án	Chủ nhiệm đề tài	Đồng chủ nhiệm	Đơn vị	Thời gian thực hiện
1	Điều trị phẫu thuật thủng ruột thương hàn.	GS.TS. Nguyễn Đình Hồi		Khoa Y	1993 - 1996
2	Xác định các giá trị của xét nghiệm bilirubin – niệu cải tiến và Urobilinogen trong tầm soát rối loạn gan mật.	GS. Đỗ Đình Hồ		Khoa Y	1991 - 1996
3	Điều tra dịch tễ học bệnh tai biến mạch máu não ở các tỉnh phía Nam.	GS.TS. Lê Văn Thành		Khoa Y	1993 - 1996
4	Nghiên cứu quy trình sản xuất sinh phẩm dùng trong chẩn đoán bệnh ký sinh trùng.	PGS.TS. Trần Vinh Hiến	PGS.TS. Trần Thị Kim Dung	Khoa Y	1995 - 2002
5	Tổng hợp các hợp chất dãy Azidopyrimidinion khả năng có hoạt tính kháng HIV.	PGS.TS. Trương Thế Kỳ	PGS.TS. Đặng Văn Tịnh	Khoa Dược	1996 - 1998
6	Nghiên cứu kỹ thuật bào chế và tính khả dụng sinh học của các vi nang tác dụng kéo dài với các hoạt tính kháng viêm và kháng histamin.	PGS.TS. Hoàng Minh Châu	GS.TS. Lê Quan Nghiệm	Khoa Dược	1996 - 1998
7	Sự phát triển của phức hợp Sọ – Mặt – Răng ở trẻ từ 3 đến 6 tuổi theo phương pháp nghiên cứu dọc.	GS.TS. Hoàng Từ Hùng		Khoa RHM	1996 - 1999
8	Nghiên cứu chế tạo sản phẩm phòng ngừa bệnh sâu răng từ nhựa cánh kiến (Shellac).	GS.TS. Hoàng Từ Hùng		Khoa RHM	1996 - 1999
9	Sản xuất bộ xét nghiệm vi sinh dùng trong các phòng thí nghiệm vi sinh lâm sàng tại các tuyến điều trị.	TS. Phạm Hùng Vân		Khoa Y	1996 - 1999
10	Ghép tuỷ xương để điều trị bệnh lý ác tính và bệnh lý di truyền bẩm sinh về máu.	PGS.TS. Trần Văn Bé		Khoa Y	1996 - 1997
11	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật tự ghép tế bào gốc máu ngoại vi để điều trị một số bệnh lý ác tính về máu.	PGS.TS. Trần Văn Bé		Khoa Y	1996 - 1998
12	Sản xuất kháng thể đơn dòng chống các dấu ấn tế bào lymphocyte T.	PGS.TS. Trần Văn Bé		Khoa Y	1996 - 1998
13	Nghiên cứu thành phần hoá học của sỏi và dịch tễ học của bệnh sỏi thận, sỏi mật ở người Việt Nam.	GS.TS. Lê Văn Cường		Khoa Y	1996 - 1998
14	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật xử lý và trữ tế bào gốc máu cuốn rốn	PGS.TS. Trần Văn Bé	GS.TS. Trương Đình Kiệt	Khoa Y	1996 - 2000
15	Đánh giá tác động môi trường lên bệnh tiêu chảy ở trẻ < 5 tuổi tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.	PGS.TS. Trần Thị Trung Chiền	GS.TS. Lê Hoàng Ninh	Khoa YTCC	1996 - 2000
16	Nghiên cứu chuẩn hoá kỹ thuật xử lý và bảo quản giác mạc mắt.	PGS.TS. Nguyễn Trí Dũng		Khoa Y	1997 - 1998

ST T	Tên đề tài/Dự án	Chủ nhiệm đề tài	Đồng chủ nhiệm	Đơn vị	Thời gian thực hiện
17	Đánh giá kết quả lâm sàng và cận lâm sàng điều trị loét dạ dày – tá tràng trên cơ sở điều trị nhiễm Helicobacter Pylori.	GS. Phạm Hoàng Phiệt		Khoa Y	1997 - 1999
18	Nghiên cứu chiến lược phát triển sức khoẻ ở người Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.	GS.TS. Nguyễn Đình Hối		Khoa Y	1998 - 1999
19	Nghiên cứu sự tương quan giữa sinh khả dụng và tác dụng diệt ký sinh trùng sốt rét của Artemisinin dùng đường uống và qua da, qua xét nghiệm máu của bệnh nhân đang điều trị sốt rét và chuột nhắt nhiễm P.gerghei.	PGS.TS. Hoàng Ân	PGS.TS. Lê Minh Trí	Khoa Dược	1998 - 2000
20	Nghiên cứu đánh giá chất lượng thuốc sản xuất đại trà ở một số phòng khám lương y tại Tp.HCM	PGS.TS. Trần Xàng	GS.TS. Nguyễn Văn Thanh	Khoa YHCT	1999 - 2000
21	Nghiên cứu hoàn chỉnh quy trình công nghệ bào chế các dạng vi hạt phóng thích kéo dài với hoạt chất Diclofenac và Clorpheniramin.	PGS.TS. Hoàng Minh Châu	GS.TS. Lê Quan Nghiệm	Khoa Dược	1999 - 2000
22	Nghiên cứu hoàn thiện và triển khai sản xuất bộ xét nghiệm vi sinh học phục vụ chẩn đoán vi sinh lâm sàng.	TS. Phạm Hùng Vân		Khoa Y	1999 - 2000
23	Khảo sát các tế bào ác tính còn tồn lưu trong bệnh lý ác tính bằng kỹ thuật DNA và các dấu ấn miễn dịch tế bào.	PGS.TS. Trần Văn Bé		Khoa Y	1998 - 2000
24	Áp dụng nghiệm pháp soi cận niệu sau vận động để phát hiện sớm sỏi thận.	GS. Đỗ Đình Hồ	PGS.TS. Trần Thị Liên Minh	Khoa Y	1999 - 2000
25	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất huyết thanh kháng nọc rắn hổ đất – ứng dụng điều trị lâm sàng.	PGS.TS. Trịnh Xuân Kiếm		Khoa Y	1999 - 2000
26	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất huyết thanh kháng nọc rắn chàm quạp – ứng dụng điều trị lâm sàng.	PGS.TS. Trịnh Xuân Kiếm		Khoa Y	1999 - 2000
27	Bệnh Talcosis ở công nhân sản xuất sản phẩm từ cao su.	PGS.TS. Phạm Long Trung		Khoa Y	1999 - 2000
28	Nghiên cứu điều chế một số phức hợp từ các nguyên liệu có trong nước làm thuốc điều trị viêm loét dạ dày – tá tràng.	PGS.TS. Đỗ Minh Quang		Khoa Dược	2000 - 2001
29	Nghiên cứu phối hợp Bifidobacterium Bifidum và Lactobacillus Acidophilus để sản xuất chế phẩm trị loạn khuẩn đường ruột.	GS.TS. Nguyễn Văn Thanh		Khoa Dược	2000 - 2001
30	Vai trò của siêu âm tim trong phát hiện sớm thấp tim ở trẻ em.	PGS.TS. Võ Công Đồng		Khoa Y	2000 - 2001
31	Nghiên cứu hiệu quả của một phương pháp mới điều trị viêm gan siêu vi B mãn tính hoạt động –vaccine trị liệu.	GS. Phạm Hoàng Phiệt		Khoa Y	2002 - 2003
32	Nghiên cứu định lượng nồng độ Cyclosporin trong máu bệnh nhân ghép thận ở Việt Nam bằng miễn dịch huỳnh quang – ảnh hưởng của chế độ ăn (giàu lipid) và thức uống (nước hoa quả lên sự hấp thu).	PGS.TS. Lê Minh Trí	TS. Phan Thị Danh	Khoa Dược	2002 - 2003
33	Thực nghiệm lâm sàng ghép cuống rốn để điều trị bệnh lý ác tính và bệnh lý di truyền bẩm sinh.	PGS.TS. Trần Văn Bé		Khoa Y	2002 - 2003

ST T	Tên đề tài/Dự án	Chủ nhiệm đề tài	Đồng chủ nhiệm	Đơn vị	Thời gian thực hiện
34	Xây dựng tiêu chuẩn chỉ định mổ bệnh tim bẩm sinh không tím cho trẻ em Việt Nam.	GS.TS. Hoàng Trọng Kim	PGS.TS. Phạm Nguyễn Vinh	Khoa Y	2002 - 2004
35	Ứng dụng phẫu thuật nội soi trong điều trị viêm mũi xoang mãn tính.	PGS.TS. Nguyễn Hữu Khôi		Khoa Y	2002 - 2004
36	Trọng quan giữa chỉ số khối cơ thể, vòng eo, tỉ số vòng eo/vòng hông với nồng độ đường huyết và Insulin.	PGS.TS. Nguyễn Thy Khuê		Khoa Y	2002 - 2004
37	Đánh giá và theo dõi chức năng hô hấp cho công nhân cao su bị và có nguy cơ bị bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính.	PGS.TS. Lê Thị Tuyết Lan		Khoa Y	2002 - 2004
38	Nghiên cứu một số chỉ tiêu về thể lực của sinh viên Việt Nam (nam, nữ) từ 15 – 24 tuổi ở khu vực phía Nam.	GS.TS. Lê Thế Thụ	GS.TS. Trương Phi Hùng	Khoa YTCC	2002 - 2005
39	Nghiên cứu bào chế viên nén Glicazide phóng thích kéo dài và gel Indomethacin thấm qua da với sự hỗ trợ của phần mềm thông minh.	PGS.TS. Đặng Văn Giáp		Khoa Dược	2003 - 2005
40	Nghiên cứu chế tạo màng Hemicenlulose bằng phương pháp nuôi cấy Acetobacterlinum.	GS.TS. Nguyễn Văn Thanh		Khoa Dược	2003 - 2005
41	Xây dựng phần mềm vi tính phục vụ cho yêu cầu áp dụng thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP) tại các công ty/xí nghiệp dược phẩm tại Việt Nam.	PGS.TS. Đỗ Quang Dương		Khoa Dược	2003 - 2005
42	Nghiên cứu chiết xuất, tinh chế các hợp chất từ dược liệu để sử dụng làm chất chuẩn phục vụ công tác kiểm nghiệm thuốc và nghiên cứu dược liệu.	GS.TS. Nguyễn Minh Đức		Khoa Dược	2003 - 2005
43	Bước đầu nghiên cứu một số chỉ tiêu thể lực và tình trạng dinh dưỡng của phụ nữ Ê đê và Gia Rai ở 2 tỉnh Dacklac và Gia Lai.	GS.TS. Trương Đình Kiệt		Khoa Y	2003 - 2005
44	Nghiên cứu áp dụng hoá mô miễn dịch để xác định các dấu chứng sinh học có giá trị trong tiên lượng và điều trị ung thư vú (ER, PR, HER-2/NEU, P53, KI-67, PCNA).	GS.TS. Nguyễn Sào Trung		Khoa Y	2003 - 2004
45	Tăng cường trang thiết bị phòng thí nghiệm vi sinh công nghệ dược.	GS.TS. Nguyễn Văn Thanh	GS.TS. Lê Quan Nghiệm	Khoa Dược	2005 - 2007
46	Nghiên cứu tổng hợp gluconat kẽm làm thuốc điều trị suy dinh dưỡng trẻ em.	PGS.TS. Đỗ Minh Quang		Khoa Dược	2005 - 2007
47	Nghiên cứu khía cạnh y tế của khu vườn số 370 ấp Tân Hội, huyện Đức Hoà, Long An.	GS.TS. Đặng Vạn Phước	PGS.TS. Nguyễn Thị Bay	Khoa Y	2005
48	Nghiên cứu điều trị gãy sụn hóc mắt kết hợp lót chỗ gãy bằng chế phẩm san hô lấy từ vùng biển Việt Nam.	GS.TS. Lê Minh Thông		Khoa Y	2005 - 2007
49	Nghiên cứu sàng lọc một số dược liệu có tác dụng cải thiện sự suy giảm trí nhớ.	PGS.TS. Trần Hùng	PGS.TS. Võ Phùng Nguyên	Khoa Dược	2006 - 2009
50	Nghiên cứu bào chế viên Trimetazidin phóng thích kéo dài.	GS.TS. Lê Quan Nghiệm		Khoa Dược	2006 - 2009

ST T	Tên đề tài/Dự án	Chủ nhiệm đề tài	Đồng chủ nhiệm	Đơn vị	Thời gian thực hiện
51	Nghiên cứu bào chế viên Loratadin rã nhanh.	GS.TS. Lê Quan Nghiệm		Khoa Dược	2006 - 2008
52	Nghiên cứu tổng hợp thuốc trị đau thắt ngực Isosorbid dinitrat và Isosorbid mononitrat.	PGS.TS. Trương Phương		Khoa Dược	2006 - 2007
53	Nghiên cứu bào chế viên phóng thích kéo dài với hoạt chất Metformin (500 mg).	PGS.TS. Nguyễn Thiện Hải		Khoa Dược	2006 - 2009
54	Nghiên cứu bào chế thuốc dán Ketoprofen 30 mg.	PGS.TS. Nguyễn Tài Chí		Khoa Dược	2006 - 2008
55	Nghiên cứu bào chế viên nén Isosorbid Dinitrat 20 mg tác dụng kéo dài.	PGS.TS. Lê Hậu		Khoa Dược	2006 - 2008
56	Nghiên cứu thừa kế bài thuốc có tác dụng bồi dưỡng cơ thể, bổ thận, tráng dương của cụ Ama Công ở buôn Đôn, Đắc Lắc.	GS.TS. Nguyễn Minh Đức		Khoa Dược	2006 - 2008
57	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm probiotic dùng cho điều trị bệnh đường ruột	GS.TS. Nguyễn Văn Thanh	TS Huỳnh Thị Ngọc Lan	Khoa Dược	2006 - 2008
58	Khảo sát tần suất dị tật tim thai Nhi ở các bà mẹ tuổi thai từ 16-24 tuần tại bệnh viện Từ Dũ và Viện Tim Tp.HCM thời gian từ 6/2007 đến 9/2009	PGS.TS. Phạm Nguyễn Vinh	TS Phạm Việt Thanh	Khác	2007 - 2009
59	Nghiên cứu ứng dụng mask thanh quản để kiểm soát đường thở trong gây mê phẫu thuật đặt nội khí quản khó và cấp cứu suy toàn hoàn, hô hấp cấp.	GS.TS. Nguyễn Văn Chùng		Khoa Y	2007 - 2009
60	Nghiên cứu viên nang phóng thích kéo dài chứa pellet Metoprolol 50 mg.	PGS.TS. Nguyễn Thiện Hải		Khoa Dược	2007 - 2010
61	Tăng cường trang thiết bị phòng thí nghiệm Y Dược học cổ truyền.	GS.TS. Phan Quan Chí Hiếu	PGS.TS. Nguyễn Phương Dung	Khoa YHCT	2007 - 2010
62	Tỷ lệ và các yếu tố nguy cơ mắc chứng nhạy cảm ngà răng ở một vùng sinh thái.	PGS.TS. Hoàng Đạo Bảo Trâm		Khoa RHM	2012 - 2013
63	Nghiên cứu phát triển viên nang mềm từ bài thuốc Ama Công phục vụ cộng đồng.	GS.TS. Nguyễn Minh Đức		Khoa Dược	2013 - 2014
64	Nghiên cứu bào chế sản phẩm Nano Dầu mù u-Curcumin	TS Trương Công Trị		Khoa Dược	2014 - 2016
65	Nghiên cứu chiết xuất phân lập 20 hợp chất tinh khiết làm chất chuẩn trong kiểm nghiệm	GS.TS. Nguyễn Minh Đức		Khoa Dược	2016 - 2018
66	Nghiên cứu đặc điểm giải phẫu, mô học một số động mạch có thể ứng dụng bắc cầu trong điều trị bệnh lý động mạch vành.	GS.TS. Lê Văn Cường		Khoa Y	2018 - 2020